

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 20/2020/HSST
Ngày 13/5/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Phùng Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đăng Thám.

2. Ông Lưu Văn Thảo.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Hải L – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

Đại diện Viện kiểm sát huyện T tham gia phiên tòa bà Nguyễn Thị Ngọc Lan – Chức vụ: Kiểm sát viên .

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-HS ngày 27/4/2020 đối với bị cáo:

Trần Đức L (Tên gọi khác: LR)

Sinh năm: 1987, tại: huyện T, tỉnh Quảng Nam;

Trú tại: Tổ 11, thôn Q, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam;

Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông;

Con ông: Trần C, sinh năm: 1953; Con bà: Trương Thị T, sinh năm 1959;

Vợ: Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm: 1990 (đã ly hôn)

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 25/5/2006, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam tuyên phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều 138 BLHS năm 1999.

- Ngày 28/3/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam tuyên phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều 138 BLHS năm 1999.

- Ngày 30/3/2016, bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đe dọa, xúc phạm danh dự người thi hành công vụ”.

Bị tạm giữ từ ngày 11/10/2019, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

Anh Phạm Phú P, sinh năm: 1986

Trú tại: Tổ 2B, thôn Q, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Lương Trọng T3, sinh năm: 1988

Trú tại: Tổ 2B, thôn Q, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Người làm chứng:

Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1983

Trú tại: Tổ 2B, thôn Q, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

(Bị hại D, người liên quan và nhân chứng đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 11/10/2019, Trần Đức L đi bộ ngang qua nhà anh Phạm Phú P, trú: Tổ 2B, thôn Q, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam, L nhìn vào thấy anh P đang cầm 01 xấp tiền để thổi tiền cho khách uống cà phê. Tại đây L nảy sinh ý định giật lấy xấp tiền của anh P để tiêu xài cá nhân. Lúc này, L liền chạy vào vị trí anh P đang đứng, dùng tay phải giật xấp tiền trên tay của anh P rồi nhanh chóng bỏ chạy theo đường Quốc lộ 14E hướng B – H. Khi L chạy được khoảng 200 mét, L nhìn lại phía sau không thấy người đuổi theo nên Linh vào quán cà phê Ly Tấn của chị Nguyễn Thị L1 làm chủ để ngồi uống nước và đếm tiền vừa giật được của anh P là 440.000 đồng. Sau khi bị L giật tiền, anh Phạm Phú P mượn xe mô tô hiệu LiFan, biển kiểm soát (BKS) 92B1 – 338.02 của anh Lương Trọng T là khách đang uống nước trong quán đuổi theo L để lấy lại tiền. Khi anh P điều khiển xe đến quán cà phê Ly Tấn thì thấy L đang ngồi bên trong quán nên anh P dựng xe trước quán (chìa khóa vẫn cắm trên ổ khóa xe) đi vào gặp L nói chuyện. Khi thấy anh P đi vào quán thì L đi ra, trên tay L cầm 01 cái ghế có khung bằng sắt, mặt ghế ngồi có 03 tấm nhựa, L nói với P: “Mi rút về”. Vừa nói L vừa dùng chân phải đá vào người anh P, tiếp đến L cầm chiếc ghế trên tay đánh vào người anh P làm anh P bị thương ở bàn tay trái và vai trái. Bị L đánh bị thương, anh P hoảng sợ bỏ chạy ra khỏi quán để lại xe mô tô BKS 92B1-338.02. Thấy anh P bỏ chạy và để lại xe mô tô L ra điều khiển xe mô tô xuống thị trấn H chơi đá bóng.

Sau khi bị L giật tiền và đánh lấy xe mô tô, anh P báo cáo Công an xã B. Đến tối ngày 11/10/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện T làm việc với L. Qua làm việc L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 62/KL-HĐĐG ngày 15/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện T, kết luận: Xe mô tô hiệu Lifan BKS: 92B1 – 338.02 có trị giá là 1.800.000 đồng.

Tại Bản giám định thương tích số 418/GĐTT.19 ngày 19/12/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Quảng Nam kết luận thương tích của anh Phạm Phú P là 03%.

Tại bản cáo trạng số: 27/CT-VKS ngày 13/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Trần Đức L về các tội: “Cướp tài sản” và

“Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 và khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự;

* Tại phiên Tòa bị cáo Trần Đức L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân, khi nhìn thấy anh P cầm 01 xấp tiền nên bị cáo đã nảy sinh ý định và giật lấy xấp tiền của anh P rồi bỏ chạy vào quán cà phê Ly Tấn để uống nước và đếm tiền vừa giật được là 440.000 đồng. Sau đó anh P điều khiển xe mô tô đến quán cà phê Ly Tấn thì gặp bị cáo. Khi thấy anh P đi vào quán bị cáo có bảo anh P về đi và có dùng ghế sắt đánh anh P mấy cái và dùng chân đá vào người anh P làm anh P bị ngã và anh P bỏ chạy. Lúc đó bị cáo thấy xe mô tô anh P chạy đến có chìa khóa nên bị cáo lấy xe điều khiển xe mô tô xuống thị trấn H chơi đá bóng sau đó thì bị bắt. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo.

* Lời khai của bị hại Phạm Phú P trình bày tại hồ sơ như nội dung của cáo trạng. Bị hại P không yêu cầu khởi tố đối với bị cáo về hành vi gây thương tích và xin giảm nhẹ cho bị cáo.

* Người liên quan anh Lương Trọng T khai tại hồ sơ: Xe đó của anh mua lại của bạn mình. Hôm đó anh và các bạn đang uống nước quán anh P và bạn của anh đang trả tiền cho anh P thì thấy L xông vào giật tiền của anh P. Sau đó anh P mượn xe của anh T đi tìm L. Anh T ngồi chờ và một lúc sau thì thấy anh P đi bộ về. T thấy anh P bị đổ máu và hỏi P xe đâu thì P nói xe bị L lấy mất rồi. Hiện nay Anh T đã nhận lại xe mô tô và không yêu cầu gì.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T trong phần luận tội đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Tình tiết tăng nặng: Không có. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo: Trần Đức L phạm các tội: “Cướp tài sản” và “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168; khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Trần Đức L từ 03 đến 04 năm tù về tội: “Cướp tài sản” và từ 01 đến 02 năm tù về tội: “Cướp giật tài sản”. Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội.

- Về vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an huyện T thu giữ 01 xe mô tô hiệu Lifan BKS 92B1 – 338.02 và 01 cái ghế ba lá khung ghế bằng sắt, mặt ghế bằng nhựa màu tím. Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại các vật chứng trên cho các chủ sở hữu hợp pháp.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Anh Phạm Phú P không yêu cầu L bồi thường số tiền 440.000 đồng mà L đã cướp giật được của anh P.

+ Anh Lương Trọng T đã nhận lại xe mô tô hiệu Lifan BKS 92B1 – 338.02, anh T không có yêu cầu gì về phần dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Các căn cứ xem xét, đánh giá về tội danh và khung hình phạt:

- Tại phiên tòa, bị cáo Trần Đức L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

- Căn cứ vào lời khai của bị hại, người liên quan, nhân chứng và các cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

- Căn cứ vào bản kết luận định giá tài sản số 62/KL-HĐĐG ngày 15/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện T, kết luận: Xe mô tô hiệu Lifan BKS: 92B1 – 338.02 có trị giá là 1.800.000 đồng; Bản giám định thương tích số 418/GĐTT.19 ngày 19/12/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Quảng Nam kết luận thương tích của anh Phạm Phú P là 03%.

Hội đồng xét xử xác định: Bị cáo Trần Đức L nhân thân trước đây đã có tiền án đã được xóa án tích. Vào khoảng 16 giờ ngày 11/10/2019, bị cáo Trần Đức L khi đi ngang qua quán cà phê của anh Phạm Phú P nhìn thấy anh P cầm 440.000 đồng trên tay để thối trả tiền cho khách uống cà phê. Bị cáo L chạy vào vị trí anh P đang đứng, dùng tay phải giật số tiền của anh P rồi nhanh chóng tẩu thoát. Sau khi lấy được tiền của anh Phạm Phú P, bị cáo L chạy theo hướng QL-14E hướng Bình Quý – Hà Lam. Bị cáo L vào quán cà phê Ly Tấn để uống nước và đếm tiền. Khi bị cáo L đang đếm tiền thì anh Phạm Phú P đi xe mô tô BKS 92B1 – 338.02, xe này của anh Lương Trọng T đến quán cà phê Ly tấn gặp bị cáo L để đòi lại tiền thì bị L dùng chân đá vào người và dùng ghế ba lá (loại ghế có khung bằng sắt, mặt ghế bằng nhựa) đánh vào người anh P gây thương tích 03% làm anh P hoảng sợ bỏ chạy để lại xe mô tô BKS 92B1 – 338.02 ở trước quán cà phê. Thấy anh P bỏ chạy để lại xe mô tô bị cáo L liền lấy xe mô tô BKS 92B1 – 338.02 để làm phương tiện đi lại. Giá trị xe mô tô mà L chiếm đoạt được là 1.800.000 đồng.

Tại thời điểm bị cáo Trần Đức L xông vào nhà anh Phạm Phú P giật số tiền 440.000 đồng trên tay anh P và tẩu thoát. Hành vi đó của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Cướp giật tài sản”. Do vậy, Hội đồng xét xử thống nhất với cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Sau khi anh P tìm bị cáo và phát hiện bị cáo tại quán cà phê Ly Tấn. Anh P yêu cầu bị cáo trả lại tiền cho mình, bị cáo L không những không trả lại tiền cho bị hại mà còn dùng ghế có khung bằng sắt, mặt ghế bằng nhựa và dùng chân liên tiếp tấn công anh

P. Anh P hoảng sợ bỏ chạy và bị té ngã. Bị hại P bị thương tích với tỷ lệ 03% và anh P không yêu cầu xem xét trách nhiệm hình sự. Lúc này bị cáo L đã chiếm đoạt chiếc xe mô tô giá trị 1.800.000 đồng mà bị hại P điều khiển đến. Hành vi này của bị cáo L đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Cướp tài sản”. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo L theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tuyên xử bị cáo Trần Đức L phạm các tội : “Cướp tài sản” và “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 và khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo hộ. Bị cáo L là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực để nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo nhận thức được hành vi cướp giật tài sản của người khác bị pháp luật nghiêm cấm và sẽ bị trừng trị, nhưng do muốn dễ dàng có tiền để chơi bời, phục vụ cho nhu cầu bản thân nên bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm. Bị cáo đã thể hiện sự liều lĩnh khi thực hiện hành vi tội phạm giữa ban ngày. Hành vi của bị cáo gây tâm lý hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân, không an tâm với tài sản của mình, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo Linh tuổi đời còn trẻ, đã từng chấp hành hình phạt tù của nhiều bản án nhưng vẫn chưa thực sự cải tạo tốt, chưa hoàn lương. Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét mức hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo.

- Xét nhân thân của bị cáo Trần Đức L xuất thân là nhân dân lao động. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại. Tuy nhiên, bị cáo L có nhân thân không tốt, bị cáo đã từng có hai tiền án và một tiền sự. Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

Xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để Cơ quan chức năng giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội sau này.

[4] Về trách nhiệm dân sự :

- Anh Lương Trọng T đã nhận lại xe mô tô hiệu Lifan BKS 92B1 – 338.02, anh T không có yêu cầu gì về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

- Anh Phạm Phú Phong không yêu cầu bị cáo Linh bồi thường số tiền 440.000 đồng mà L đã cướp giật được của anh P. Hội đồng xét xử xét thấy số tiền này do hành vi phạm tội của bị cáo mà có. Vì bị hại P không yêu cầu bị cáo trả lại nên Hội đồng xét xử sẽ tuyên truy thu của bị cáo để sung công quỹ Nhà Nước.

[5] Về vật chứng trong vụ án:

- Về vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an huyện T thu giữ 01 xe mô tô hiệu Lifan BKS 92B1 – 338.02 và 01 cái ghế ba lá khung ghế bằng sắt, mặt ghế bằng nhựa màu tím.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại các vật chứng trên cho các chủ sở hữu hợp pháp là đúng nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định tại Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án;

[8] Bị cáo, bị hại, người liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo: **Trần Đức L** phạm các tội: “Cướp tài sản” và “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 168; Khoản 1 Điều 171; Điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 55; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo: **Trần Đức L 03** (Ba) năm **06** (Sáu) tháng tù về tội: “Cướp tài sản”; **01** (Một) năm **06** (Sáu) tháng tù về tội: “Cướp giật tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành là **05** (Năm) năm tù. Thời gian thụ hình được tính từ ngày bị bắt ngày 11/10/2019.

* Các biện pháp tư pháp : Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự ;

Tuyên truy thu của bị cáo Trần Đức L số tiền 440.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi ngàn đồng) sung công quỹ Nhà Nước.

* Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng các Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án;

Bị cáo Trần Đức L phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Những người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu bộ phận HS;.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên, đóng dấu)

Đặng Phùng Thành